SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHCN HƯƠNG SEN

Số: 598 /QĐ-BVHS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục, dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHCN HƯƠNG SEN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội; Luật số 57/2024/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; thuê hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ 03 bản báo giá cùng thời điểm do 03 công ty, đơn vị cung cấp;

Căn cứ Biên bản họp ngày 15/09/2026 của Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Biên bản họp Tổ lập KHLCNT ngày 17 tháng 09 năm 2026 của Tổ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Tờ trình ngày 19 tháng 09 năm 2026 của Tổ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu về việc phê duyệt danh mục, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán Mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Tổng danh mục phê duyệt: 26 danh mục.

2. Tổng dự toán: **242.256.448** đồng *(Hai trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng)*.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh của Bệnh viện được sử dụng theo quy định

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang với nội dung chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.

Điều 3. Phê duyệt thông số kỹ thuật để phục vụ chào giá trực tuyến đối với gói thầu: Mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang với chi tiết đặc tính kỹ thuật theo phụ lục 02 đính kèm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ phận Xét nghiệm, Bộ phận Dược: Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện mua sắm đảm bảo đúng quy định; chịu trách nhiệm lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

2. Phòng Tổ chức hành chính, tài chính kế toán thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp với Bộ phận Xét nghiệm, Bộ phận Dược trong việc thực hiện nội dung tại Điều 1, Điều 2 và khoản 1 Điều 4, Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các bộ phận có tên tại Điều 4 và các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế (báo cáo);
- Như điều 4 (thực hiện)
- Lưu: VT, TCHC, Dược, XN

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HƯƠNG SEN

Lê Xuân Vân

PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ - BVHS ngày /09/2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	**Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen tỉnh Tuyên Quang**	Mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang	Thực hiện công việc mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang	**242.256.448 đồng/ 26 danh mục chia làm 02 phần** Phần I: Hóa chất sử dụng cho Máy phân tích huyết học tự động A BX Micros ES60 104.800.000 đồng/05 danh mục Phần II: Hóa chất sử dụng cho Máy phân tích sinh hóa tự động A15 137.456.448 đồng/21 danh mục	Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang	**Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn**		**90 ngày**	**Quý III năm 2026**	**Hợp đồng theo đơn giá cố định**	**12 tháng**	**Không**
Tổng giá gói thầu				**242.256.448**								

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng./.)

PHỤ LỤC 02: YÊU CẦU KỸ THUẬT HÀNG HÓA

Gói thầu: Mua sắm hóa chất sử dụng cho máy năm 2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - BVHS ngày /09/2026 của Bệnh viện PHCN Hương Sen tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
Phần 1. Hóa chất sử dụng cho Máy phân tích huyết học tự động ABX Micros ES60										
1	ABX Miniclean	Dung dịch enzym để sử dụng trong chẩn đoán in vitro với tác dụng thủy phân protein để làm sạch các máy đếm tế bào máu. - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485	0903010	Nhà thầu cung cấp thông tin sau khi xác nhận chấp thuận được trao hợp đồng	Horiba ABX SAS	Pháp	2026 trở về sau	Hộp 1L	Hộp	9
2	ABX Minidil LMG	Dung dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để đếm các tế bào máu và đo hematocrit trên các máy đếm tế bào máu. - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	0802010	Nhà thầu cung cấp thông tin sau khi xác nhận chấp thuận được trao hợp đồng	Horiba ABX SAS	Pháp	2026 trở về sau	Hộp 10L	Hộp	10
3	ABX Minilyse LMG	ABX Minilyse LMG là dung dịch ly giải để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để ly giải hồng cầu (RBC) cho việc đếm bạch cầu (WBC) và phân loại bạch cầu và xác định hemoglobin trên các máy đếm tế bào máu. - Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 0,1% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 5% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	0702010	Nhà thầu cung cấp thông tin sau khi xác nhận chấp thuận được trao hợp đồng	Horiba ABX SAS	Pháp	2026 trở về sau	Hộp 1L	Hộp	8

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
4	ABX Minoclair	Dung dịch rửa mạnh, dùng để rửa máy đếm tế bào trong các trường hợp bảo dưỡng hoặc rửa đinh kỳ. - Thành phần: + Chất làm sạch hóa chất (Chemical cleaning agent) < 5% + Chất ổn định hóa học (Stabilizer) < 1% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	0401005	Nhà thầu cung cấp thông tin sau khi xác nhận chấp thuận được trao hợp đồng	Horiba ABX SAS	Pháp	2026 trở về sau	Hộp 0.5L	Hộp	1
5	ABX Minotrol 16 (2N)	Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	2042202	Nhà thầu cung cấp thông tin sau khi xác nhận chấp thuận được trao hợp đồng	R&D Systems, Inc.	Mỹ	2026 trở về sau	Lọ 2.5ml	Lọ	8
Phần 2: Hóa chất sử dụng cho Máy phân tích sinh hóa tự động A15										
1	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy.Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh bò (hoàn nguyên với 5 mL nước).	18011	BIOCHEMISTRY CALIBRATOR	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x5ml/ Lọ	Lọ	10
2	Dung dịch rửa hệ thống	Dung dịch rửa hệ thống Dạng dung dịch, thành phần: Triton X-100 10%.	BO11524	CONCENTRATED SYSTEM LIQUID	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	Hộp 1000mL	Hộp	2
3	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa; Thành phần: Huyết thanh bò	18009	BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM I	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x5ml/ Lọ	Lọ	10

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
4	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa; Thành phần: Huyết thanh bò	18010	BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM II	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x5ml/ Lọ	Lọ	10
5	Hóa chất định lượng Cholesterol trong máu	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: Thuốc thử chứa Đệm Pipes 35 mmol/L, natri cholat 0,5 mmol/L, phenol 28 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase > 0,1 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,0; Chất hiệu chuẩn chứa cholesterol 200 mg/dL (5,18 mmol/L); Phương pháp: Đo quang, Cholesterol Oxidase/Peroxidase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 0,3 mg/dL (0,008 mmol/L); Giới hạn tuyến tính: 1000 mg/dL (26 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 1,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2%	11505	CHOLESTEROL	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x200mL+1x5mL/ Hộp	Hộp	4
6	Hóa chất định lượng Alanine Aminotransferase ALT/GPT trong máu	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT; Thành phần: Thuốc thử A chứa Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3; Thuốc thử B chứa NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L; Phương pháp: IFCC; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 1,6 U/L (0,027 µkat/L); Giới hạn tuyến tính: 800 U/L (13,3 µkat/L); Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,5%	11533	ALANINE AMINOTRANSFERASE (ALT/GPT)	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x160mL+1x40mL/ Hộp	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
7	Hóa chất định lượng Albumin trong máu	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng albumin; Thành phần: Thuốc thử chứa Đệm Acetat 100 mmol/L, xanh bromocresol 0,27 mmol/L, chất tẩy rửa, pH 4,1; Chất hiệu chuẩn chứa Albumin bò; Phương pháp: Quang phổ, Bromocresol Green; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn định lượng: 3,72 g/L; Giới hạn tuyến tính: 70 g/L; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 6%	11573	ALBUMIN	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x250mL+1x5mL/ Hộp	Hộp	5
8	Hóa chất định lượng Aspartate Aminotransferase AST/GOT trong máu	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT; Thành phần: Thuốc thử A chứa Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8; Thuốc thử B chứa NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L; Phương pháp: IFCC; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 1,67 U/L (0,028 µkat/L); Giới hạn tuyến tính: 800 U/L (13,3 µkat/L); Độ lặp lại: CV ≤ 1,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 6%	11531	ASPARTATE AMINOTRANSFERASE (AST/GOT)	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x160mL+1x40mL/ Hộp	Hộp	6
9	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần; Thành phần: Thuốc thử A chứa acid phosphoric 188 mmol/L, cetrimid 40 mmol/L, pH 0,9; Thuốc thử B chứa 3,5-diclorophenyl diazoni 1,5 mmol/L; Phương pháp: Quang phổ, Dichlorophenyl Diazonium; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 0,172 mg/dL (2,95 µmol/L); Giới hạn tuyến tính: 38 mg/dL (650 µmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 2,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,5%	12506	BILIRUBIN (TOTAL)	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	5x40mL+5x10mL/ Hộp	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
10	Hóa chất định lượng Creatinine trong máu	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng creatinin; Thành phần: Thuốc thử A chứa Natri hydroxid 0,4 mol/L, chất tẩy rửa; Thuốc thử B chứa Acid picric 25 mmol/L; Chất hiệu chuẩn chứa Glucose 100 mg/dL, urea 50 mg/dL, creatinin 2 mg/dL (177 µmol/L); Phương pháp: Jaffé; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Nước tiểu; Giới hạn phát hiện: 0,1 mg/dL (8,84 µmol/L); Giới hạn tuyến tính: 20 mg/dL (1768 µmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 6%	11502	CREATININE	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	2x50mL+2x50mL+1x5mL/ Hộp	Hộp	4
11	Hóa chất định lượng Glucose trong máu	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Thuốc thử chứa Phosphat 100 mmol/L, phenol 5 mmol/L, glucose oxidase > 10 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,4 mmol/L, pH 7,5; Chất hiệu chuẩn chứa Glucose 100 mg/dL (5,55 mmol/L), ure 50 mg/dL, creatinin 2 mg/dL; Phương pháp: Quang phổ, Glucose Oxidase/Peroxidase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Dịch não tủy; Giới hạn phát hiện: 0,23 mg/dL (0,0126 mmol/L); Giới hạn tuyến tính: 500 mg/dL (27,5 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 1,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3%	11503	GLUCOSE	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x200mL+1x5mL/ Hộp	Hộp	6
12	Hóa chất định lượng Protein toàn phần trong máu	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng protein; Thành phần: Thuốc thử chứa Đồng (II) acetat 6 mmol/L, kali iod 12 mmol/L, natri hydroxid 1,15 mol/L, chất tẩy rửa; Chất chuẩn chứa Albumin bò; Phương pháp: Quang phổ, Biuret; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết	11572	PROTEIN (TOTAL)	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x250mL+1x5mL/ Hộp	Hộp	5

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
		tương; Giới hạn phát hiện: 4,6 g/L; Giới hạn tuyến tính: 150 g/L; Độ lặp lại: CV ≤ 1,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2%								
13	Hóa chất định lượng TRIGLYCERID trong máu	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng triglycerid; Thành phần: Thuốc thử chứa đệm Pipes 45 mmol/L, magnesi acetat 5 mmol/L, 4-chlorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7,0; Chất hiệu chuẩn chứa nồng độ glycerol tương đương với nồng độ triolein 200 mg/dL (2,26 mmol/L); Phương pháp: Quang phổ, Glycerol Phosphate Oxidase/Peroxidase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 1,6 mg/dL (0,018 mmol/L); Giới hạn tuyến tính: 600 mg/dL (6,78 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 2%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3%	11528	TRIGLYCERIDES	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	4x50mL +1x5mL/ Hộp	Hộp	3
14	Hóa chất định lượng UREA trong máu	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ure; Thành phần: Thuốc thử A chứa dung dịch đệm Tris 100 mmol/L, 2-oxoglutarat 5,6 mmol/L, urease > 140 U/mL, glutamat dehydrogenase > 140 U/mL, ethylenglycol 220 g/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,0; Thuốc thử B chứa NADH 1,5 mmol/L, natri azid 9,5 g/L; Chất hiệu chuẩn chứa Glucose 100 mg/dL, ure 50 mg/dL (8,3 mmol/L, BUN 23,3 mg/dL), creatinin 2 mg/dL; Phương pháp: Quang phổ, Urease/Glutamate Dehydrogenase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Nước tiểu; Giới hạn	11516	UREA/BUN-UV	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	4x40mL + 4x10mL + 1x5mL/ Hộp	Hộp	3

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
		phát hiện: 2,5 mg/dL ure (1,17 mg/dL BUN hoặc 0,42 mmol/L ure); Giới hạn tuyến tính: 300 mg/dL ure (140 mg/dL BUN hoặc 50 mmol/L ure); Độ lặp lại: CV ≤ 3,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,5%								
15	Hóa chất định lượng acid Uric trong máu	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng acid uric; Thành phần: Thuốc thử chứa Phosphat 100 mmol/L, chất tẩy rửa 1,5 g/L, dichlorophenolsulfonat 4 mmol/L, uricase > 0,12 U/mL, ascorbat oxidase > 5 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,8; Chất hiệu chuẩn chứa Acid uric 6 mg/dL (357 µmol/L); Phương pháp: Quang phổ, Uricase/Peroxidase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Nước tiểu; Giới hạn phát hiện: 0,02 mg/dL (1,19 µmol/L); Giới hạn tuyến tính: 25 mg/dL (1487 µmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 1%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,5%	11521	URIC ACID	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1x200mL+1x5mL/ Hộp	Hộp	3
16	Hóa chất định lượng Calcium trong máu	Thuốc thử xét nghiệm định lượng calci; Thành phần: Thuốc thử chứa arsenazo III 0,2 mmol/L, imidazol 75 mmol/L; Phương pháp: Đo quang, Arsenazo III; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Nước tiểu; Giới hạn phát hiện: 0,26 mg/dL (0,06 mmol/L); Giới hạn tuyến tính: 18 mg/dL (4,5 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 1,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,5%	12570	CALCIUM-ARSENAZO	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	10x50mL/ Hộp	Hộp	4
17	Hóa chất định lượng sắt trong máu	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sắt; Thành phần: Thuốc thử A chứa Guanidin clorid 1,0 mol/L, đệm acetat 0,4 mol/L, pH 4,0; Thuốc thử B chứa Ferrozin 8 mmol/L, acid ascorbic 200 mmol/L; Chất hiệu	11509	IRON-FERROZINE	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	4x40mL+4x10mL+1x5mL/ Hộp	Hộp	7

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
		chuẩn chứa Sắt 200 µg/dL (35,8 µmol/L); Phương pháp: Đo quang, Ferrozine; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Dải đo: 33,2 - 1000 µg/dL; Giới hạn phát hiện: 6,17 µg/dL (1,10 µmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 7,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 8%								
18	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp trong máu	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Thành phần: Thuốc thử A chứa Phosphoric acid 90 mmol/L, HEDTA 4,5 mmol/L, natri clorid 50 mmol/L, pH 1,5; Thuốc thử B chứa 3,5-dichlorophenyl diazonium 1,5 mmol/L; Phương pháp: Quang phổ, Dichlorophenyl Diazonium; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 0,07 mg/dL (1,15 µmol/L); Giới hạn tuyến tính: 15 mg/dL (257 µmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 6%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 8,5%	12504	BILIRUBIN (DIRECT)	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	5x40mL +5x10mL/ Hộp	Hộp	5
19	Bóng đèn Halogen 6V/10W	Bóng đèn halogen 6V 10W, dùng làm nguồn sáng. Chất liệu: Kim loại, thủy tinh.	LA10429	Halogen lamp 6V 10W	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	1 chiếc/ Chiếc	Chiếc	4
20	Reactions Rotor	Nhựa methacrylate. Các giếng trên rotor là nơi xảy ra quá trình phản ứng giữa hóa chất và mẫu, đồng thời là vị trí đo quang của thiết bị.	AC11485	REACTION ROTOR (trên nhãn: REACTIONS ROTOR)	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	10 rotor/ Hộp	Hộp	3
21	Dung dịch rửa máy	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm hóa sinh; Thành phần: Chất diện hoạt không ion hóa 100 g/L, NaOH 1 mol/L, chất bảo quản, pH > 11,6	BO13416	CONCENTRATED WASHING SOLUTION	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	2026 trở về sau	100mL/ Hộp	Hộp	5